

# Những Món Nợ Khó Trả Và Những Anh Hùng Khó Quên

- *Huy Phương*

Sau Tháng Tư, 1975, hàng trăm ngh.n người thương binh của miền Nam Việt Nam không thể nào che giấu lý lịch với đôi mắt mù, cái chân cụt và quá khứ đã là một người lính có thành tích chiến đấu chống Cộng Sản ngoài mặt trận. Không còn khả năng làm lưng để kiếm miếng cơm nuôi gia đình và chính bản thân mình, những người này còn phải sống trong không khí lạnh lùng, ngò vực và khinh rẻ của kẻ chiến thắng không có tình người. Chính phủ, quân đội, đơn vị, cấp chỉ huy, đồng đội không còn, gia đình quyền thuộc không đủ sức cuu mang vì chính họ cũng bị nhận chìm tận cùng dưới đáy xã hội.

Trong xã hội mới, những người thương binh VNCH thật sự đã là “những người bị bỏ quên”.

Đã có những hội đoàn, những tổ chức, những nhóm thiện nguyện cứu đói, cứu nghèo, cứu bệnh tật, cứu gái sa chân, cứu trẻ bị bán ra nước ngoài, cứu già thiếu gạo...

Tôi có cảm tưởng những vùng đất cứu trợ trên đã được chính quyền trong nước cho khai quang, có khi còn giữ “an ninh bãi đáp” cho trực thăng đổ người xuống cứu trợ để đỡ tay đỡ chân cho đảng lo việc trấn áp dân chủ, nhân quyền.

Trong khi đó, công việc cứu trợ các thương phế binh VNCH trong một xã hội còn đầy mìn bẫy, hầm hố, thù hận, phải tiến hành lén lút, bí mật hay đột kích gây thêm nhiều trở ngại, khó khăn cho cả phía những người hảo tâm và cả những nạn nhân xấu số này.

Thương phế binh, đáng lẽ là những người mà hải ngoại cần phải nhớ trước tiên, từ khi người sinh viên du học ra nước ngoài giữa lúc

chiến tranh trở nên tàn khốc, lúc cấp chỉ huy quân đội miền Nam bước chân lên Đệ Thất Hạm Đội hay đảo Guam, từ khi người vượt biển được đặt chân lên đất liền, từ khi người cựu tù được người ra đón ở sân bay, lại là những người bị quên lãng nhất.

Bà Dương Nguyệt Ánh, chuyên viên chất nổ của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, tác giả trái bom “nhiệt áp” đã nói rằng, là một người tỵ nạn



chiến tranh, bà *“không bao giờ quên được hình ảnh người lính Hoa Kỳ và VNCH đã từng bảo vệ cho bà có một cuộc sống an toàn ở miền Nam trước đây.”* Chúng ta cũng hiểu rằng người lính VNCH thiệt thòi hơn cả sau chiến tranh chính là người thương phế binh hôm nay.

Cô Liên Hương, một bác sĩ trong nhóm Huynh Đệ Chi Binh ở San Jose, cũng như chúng ta đã có mặt tại Hoa Kỳ tự do, no ấm hôm nay sau những ngày đã hoạt động để cứu giúp *“những người bị lãng quên,”* vì cô nghĩ rằng cô đã mang ơn những người này, người thương phế binh VNCH.

- *“Tôi viết thư cho anh hôm nay, không phải như một người Việt Kiều xa xứ được ưu đãi trong một đời sống an lành, và thoải mái hơn về vật chất lẫn tinh thần đang nghiêng mình xuống với người đồng loại bất hạnh, nhưng tôi viết với tâm trạng của một cô gái năm xưa đã lớn*

*lên yên ổn giữa thành phố Sài Gòn, nhìn tuổi thơ ấu của mình trôi qua dưới ánh hỏa châu và những tiếng bom đạn hằng đêm vẫn vọng về từ một chiến trường xa. Ở đó, bao nhiêu xương máu và nước mắt của cả một thế hệ tuổi trẻ đã đổ xuống để che chở cho những cô gái nhỏ như tôi được tiếp tục bình yên đến trường. Ở đó vẫn có biết bao nhiêu người chiến sĩ như các anh còn ôm tay súng chiến đấu đơn độc với những giờ phút chót, để gia đình chúng tôi có cơ hội xuống thuyền ra đi tìm đến những quê hương hạnh phúc mới bên này bờ biển Thái Bình Dương.”*

*“Chính với tấm lòng tri ân và ngưỡng mộ đó mà hôm nay tôi thấy cần phải viết cho anh, cho các bạn của anh, những lời các anh xứng đáng được nghe nhưng có lẽ đã chưa bao giờ được nghe từ gần 48 năm qua, để các anh hiểu được rằng những hy sinh của mình đã không lãng phí hay vô ích.”*

Những tượng đài có thể bị đập đổ, nhưng những hình ảnh thần tượng ghi khắc trong lòng sẽ chẳng bao giờ bị xóa nhòa. Chúng ta đã mất mát rất nhiều thứ, những người thương binh như các anh đã mất hết một phần thân thể, tình yêu và tuổi trẻ, và những người Việt ty nạn như tôi cũng đã mất hết một nơi chốn dung thân để phải tha hương lưu lạc khắp mọi phương trời. Có một điều ngày hôm nay tôi mong chúng ta sẽ không đánh mất là tình người đến với nhau, để khoảng không gian anh đang sống và hít thở bớt đi niềm lẻ loi và cô độc.”

*“Cuối cùng dù tôi không thể gửi nguyên một bài hát về cũng xin cho tôi được tặng anh và những người bạn anh hùng không tên tuổi của anh lời tựa của bài hát ‘**You Are My Heroes**’, bởi vì cuối cùng trong cuộc đời này không có điều gì anh hùng và cao thượng hơn là hy sinh cuộc đời mình để cho người khác được quyền sống.*

*Trong mắt tôi mãi mãi không có những người phé binh thương tật mà chỉ có những con người trai anh hùng một thời chọn cho mình con đường đi và sống đích thực có ý nghĩa nhất”.*

Những dòng chữ trên đây của một người con gái, một đứa em hậu phương cũng như tất cả chúng ta đã mang một món nợ không bao giờ trả nổi, món nợ xương máu mà chúng ta đã nương nhờ, vay mượn từ lúc chúng ta được yên ổn ở hậu phương, rất xa mặt trận, và cả đến lúc chúng ta ngoảnh mặt rời quê hương ra đi.

Những năm trước, bức thư này đọc trên đài phát thanh ở Bắc California đã làm rơi lệ hằng nghìn người nghe ở hải ngoại, nhưng rồi

com áo đa đoan, cuộc sống bẽ bộn, nhiều lúc chúng ta đã quên hẳn hình ảnh người thương phé binh Việt Nam một cách phụ bạc, nhẫn tâm mà đáng ra phải canh cánh ghi nhớ trong lòng.

Ở hải ngoại từ trước đến nay, những quyên góp giúp đỡ cho thương phé binh được đưa xuống hàng thứ yếu sau những chiến dịch dai dẳng cho người nghèo, cho trẻ thất học, cho chùa chiền, thánh thất, cho mổ mắt vá môi... Nếu có lòng, thì cũng với những hoạt động lẻ tẻ do một nhóm người, một tổ chức quy tụ một số thân hữu giúp cho năm bảy gia đình, hay khá hơn là vài trăm thương binh. Chúng ta chưa có được một ngày dành cho thương binh, một chiến dịch rộng lớn như những ngày chúng ta đóng góp cho quỹ kháng chiến, để rồi cuối cùng sự việc chẳng đi tới đâu, khiến lòng tin của hải ngoại mỗi ngày một suy kiệt.

Ăn mình từ trong những xóm làng xa xôi sống nhờ trên mảnh đất khô cằn khoai sắn, hay bằm dập giữa phố thị với xấp vé số trên tay, thậm chí còn trở thành kẻ hành khất kêu gọi tình thương của người qua đường đâu đó. Nỗi xót xa, tủi nhục ấy bao giờ tiêu tan được, cũng như những nỗi đau sâu thẳm trong tâm hồn họ không bao giờ hết, trong khi qua thời gian làn da nơi chân tay què cụt đã chai đá, những vết thương đã lành. Lớn hơn hết là những người thương phé binh này đã mang mặc cảm là “người đã bị bỏ quên” trên quê hương, nơi mà thù hận chưa nguôi, đối xử vẫn còn phân biệt như những người lính lạc đơn vị bị bỏ lại trên đất địch.

Thế giới hôm nay của chúng ta so với đời sống thương phé binh ở quê nhà là thiên đường và địa ngục, tương phản giữa ánh sáng và bóng tối. Dù có san sẻ tới mức nào cũng không lấp đầy nỗi thống khổ, dù bù đắp tới mức độ nào cũng không xứng đáng với sự hy sinh. Anh, người thương phé binh, tôi vẫn còn nợ anh mối ân tình của sự HY SINH.

\*\*\*

...  
*Họ buông súng nhưng không hề chiến bại,  
Khi kẻ thù còn bàng hoàng kinh hãi  
Và thế giới năm châu ngưỡng mộ cúi đầu.  
MPH*

# Huy Phương , Trên Sân Ga Cuối Đường Tàu.

Để thay lời tựa cho tuyển tập 80 “**Ga Cuối Đường Tàu**” trình làng vào tháng 4/2018, nhà văn Huy Phương đã gửi đến bạn bè, độc giả bốn phương những lời tâm huyết:

*“Nếu cuộc đời là những chuyến tàu thì cuối cùng, chúng ta ai cũng có một nhà ga để xuống, có điều sớm hay trễ mà thôi. Và đến một tuổi, một lúc nào đó, chúng ta phải nghĩ là đã đến lúc sắp xuống tàu. Vì vậy tác phẩm này, hôm nay đến tay bạn đọc. được xem như là một nhà ga cuối, cuộn chỉ thời gian đã kéo gần hết, quỹ thời gian chẳng còn được bao nhiêu!”*

Tuyển tập 80 này ra đời, khi anh Huy Phương vừa qua tuổi 80 và cũng vừa trải qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Một hôm tôi đến thăm anh tại bệnh viện Kaiser ở Irvine. Sau một cuộc giải phẫu nhiều giờ, anh nằm bất động, nhưng khi mở mắt nhìn tôi, anh nở nửa nụ cười, khoe là “tóc vừa mới từ cội âm trở lại, cứ tưởng lần này là đi đứt rồi!” Tôi đùa “mái tóc trắng của anh vẫn bông bông, anh còn đẹp lão, sức mấy mà mấy bà cho anh đi, hơn nữa anh bỏ đi thì lấy ai thay anh để viết tiếp tạp ghi đây!” Anh nhòen miệng cười méo mó.

Tuần sau đó, trước khi trở lại Bắc Âu, tôi gọi thăm và chia tay anh. Anh cho biết đang tiếp tục điều trị và tịnh dưỡng tại nhà. Nghe giọng nói, biết anh còn yếu, đang mệt lắm, nhưng tôi không mấy lo âu, bởi tin chắc là một người khí khái, có nhiều nghị lực và sống chí tình với bè bạn như anh, không dễ gì mà “đi đứt” được.

Hai tuần sau, khi đang ở NaUy, thấy anh xuất hiện trên chương trình “**Quê Nhà Quê Người**” với cô cháu Ngọc Lan, dù vóc dáng có hao gầy, nhưng thân thái và giọng nói vẫn phong độ như ngày nào. Tôi mừng cho anh và cả cho tôi. Từ lâu, chúng tôi khá thân tình, xem nhau như anh em.

Bẵng đi một thời gian, anh bận rộn chuyện dọn nhà. Lâu nay vẫn ở nhà thuê, giờ nghe nói anh chị và vợ chồng cô con gái mua được ngôi nhà khá mới, rộng rãi khang trang trong một khu yên tĩnh. Được anh báo tin kèm theo địa chỉ mới, tôi mừng cho anh chị và hứa sẽ ghé lại thăm và mừng “tân gia”. Nhưng rồi con Coronavirus đến nhanh hơn



chiếc xe Honda Accord đời 2003 cũ kỹ của tôi. Cả California có lệnh “mang khẩu trang và giãn cách xã hội.” Không đi đâu được, cả ngày phải ở trong nhà, quá ngột ngạt với không khí dịch bệnh và chính trị rối ren của nước Mỹ, tôi rất thèm một chút không khí yên ả ở xứ Bắc Âu, quê hương thứ hai của tôi, nên đã mua và đổi vé máy bay đến mấy lần mà vẫn không về được.

Bỗng một buổi trưa, nghe tiếng điện thoại reo, đầu giây bên kia là giọng “rất Huế” của anh Võ Ý, người anh cả của Phi Đoàn Bắc Đẩu ở Pleiku, từng bao vùng, gọi khu trực yểm trợ cho đơn vị tôi trong

suốt mùa Hè 1972 ngập đầy khói lửa. Anh cũng là bạn thân, cùng Khóa 17 VB với nhà văn Song Vũ, ông anh trung đoàn trưởng nổi danh “thao lược, dễ thương” của chúng tôi ngày ấy:

– *Moa và Huy Phương đang ở quán “Huế Oi” đây. Nhớ chạy ra liền nghe. Huy Phương muốn gặp toa.*

Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu: Tình trạng Covid đầu sôi lửa bỏng như thế này mà hai ông anh gốc Huế còn dám đi tìm dư hương xứ Huế? Chưa kịp tìm ra câu trả lời thì nghe tiếng anh Huy Phương:

– *Ê! Nhớ chạy ra gấp nghe! Lần này mà không gặp thì xem như không bao giờ còn gặp nữa đó!*

Giọng nói trầm và yếu ớt này, cho tôi biết không phải là đùa. Tôi hỏi lại:

– Ông anh nói cái gì mà nghe “khẩn trương” quá vậy? Đã sợ Covid mà còn hẹn nhau ra quán.

– Covid mà nhằm nhò gì. Moa bị ung thư tái phát, di căn rồi. Bác sĩ bó tay, bảo về nhà nghỉ ngơi. Toa có nhớ cách nay mấy năm, toa có đến thăm moa ở Kaiser không, lần ấy giải phẫu thành công, tưởng chết đi sống lại, nhưng không ngờ nó trở lại. Thời gian của moa chỉ còn vài tháng, mà cũng có thể vài ngày nữa thôi!

Tôi thoáng lo âu và cảm động, muốn chạy ra gặp anh ngay, nhưng vì phải trông hai đứa cháu ngoại nhỏ đang học online, nên đành phải nói lời xin lỗi, mà trong lòng thấy ưu tư, áy náy.

Không gặp nhau, nhưng anh đã nhờ anh Võ Ý chuyển đến biếu tôi “**Tuyển Tập Huy Phương**”. Đọc lời đề tặng và cả trong lời tựa “*Gửi đến bạn như một lời chia tay*”, lòng tôi chùng xuống, bàng khuâng:

“Theo luật đời, ở tuổi ngoài 80, chúng tôi đi vào những giai đoạn già yếu, bệnh tật, và mang theo một chứng bệnh nan y, chắc cũng phải đến lúc xuống tàu, giã từ đời sống. Chúng tôi không có của cải, tài sản gì để lại, ngoài “*Huy Phương Tuyển Tập*,” xin gửi đến bằng hữu và bạn đọc như là một món quà chia tay.”

Mấy tuần sau, anh Võ Ý gọi báo tin: anh Huy Phương giờ yếu lắm, và rủ tôi đi thăm cùng với anh và anh Phan Nhật Nam. Anh sẽ ghé đón. Rất tiếc, khi ấy tôi đang ở trên nhà cô con gái út, khá xa Little Saigon, nên chỉ nhờ anh Võ Ý chuyển lời thăm, và hẹn sẽ gặp anh Huy Phương khi về lại Little Saigon.

Tuần trước, về lại nhà, tôi cùng anh Trần Huy Bích đến thăm anh. Biết anh mệt và có một số bạn bè thân tình thăm viếng, nên tôi gọi tin nhắn đến điện thoại của chị Huy Phương, xin chị chọn một thời điểm thích hợp.

11 giờ 30 trưa hôm sau, chúng tôi đến. Ngôi nhà của anh chị nằm trong một khu thật yên tĩnh ở thành phố Anaheim. Tôi bấm chuông với một chút lo âu, chuẩn bị tâm trạng trước những tình huống không vui, nhưng chị Huy Phương mở cửa đón chúng tôi với một nụ cười, vồn vã, làm chúng tôi thấy tự nhiên hơn. Anh Huy Phương từ trong phòng bước ra, tay phải chống một cây gậy. Vẫn mái tóc bạc trắng như tuyết bông bênh, với một nụ cười thân thiện có hũu, nhưng vóc dáng anh trông tiều

tụy, nếu không nói là da bọc lấy xương. Bớt tay anh, nở nụ cười, mà lòng dạ xốn xang, thấy thương và tội nghiệp anh.

Tôi cảm động hơn khi anh kéo tay bảo hai anh em tôi đến ngồi bên cạnh anh, chung cái ghế sofa để nói chuyện cho vui, vì chẳng còn có nhiều dịp được ngồi bên nhau nữa. Anh cho biết chẳng ăn gì, chỉ uống đúng 3 ly sữa mỗi ngày, cùng với mớ thuốc men do bệnh viện cấp. Tôi và anh Bích nhắc lại vài kỷ niệm xưa, đặc biệt mấy lần gặp anh chị tại Oslo- NaUy, khi anh chị sang đây thăm vợ chồng người bạn thân, là giáo chức đồng nghiệp cùng anh dạy ở trường Trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị, trước khi anh nhập ngũ. Tôi đùa, bảo lúc ấy ông thầy Lê Nghiêm Kính(\*) đẹp trai, chắc cũng từng làm khổ bao nhiêu cô học trò Quảng Trị. Mấy hôm nay có cô nào xin phép bà chị đến thăm anh Huy Phương? Cả anh chị cùng cười.

Anh bình thản kể chuyện đã chuẩn bị tất cả cho việc hậu sự. Đã viết cả Cáo Phó và dặn dò vợ con để anh ra đi trong bình thản. Thấy anh vui, tôi bảo “*Năm nay anh đã 84, thuộc hàng đại thọ rồi. Em cũng chỉ mong sống đến như vậy là phúc đức trời cho rồi. Từng là lính chiến, bị tù đầy rồi vượt biển mà không chết, bây giờ sắp tuổi 80 em thấy được hưởng bonus của ông trời, nên đã mãn nguyện lắm rồi.*” Anh Trần Huy Bích tiếp lời: “*Anh em mình bây giờ đang xếp hàng, kể trước người sau. Mai một rồi cũng sớm gặp lại nhau thôi.*”

Tôi bỗng nhớ tới bài thơ “Chúc Thư” của anh Huy Phương viết đã khá lâu, tôi rất tâm đắc:

(Bài thơ khá dài, xin trích đoạn)

*Tôi người lính già ở xa tổ quốc  
Xa chiến trường lưu lạc tới đây  
Nơi quê người sương pha tuyết đổ  
Mang nỗi đau con ngựa lạc bầy.*

.....

*Không phải chỉ chịu ơn người đã chết  
Tôi như còn mang món nợ nước non  
Chết không nghĩa là đã tắt hơi thở  
Sống đôi khi cũng có nghĩa chết mòn.*



*Khi tôi chết ván hòm xin đừng nắp  
Có vui chi nhìn người lính chết già  
Hố thẹn đã không tròn ơn nước  
Tiễn tôi chi, thêm phí một vòng hoa.  
Hãy quên tôi, người lính già lưu lạc  
Đừng phủ lá cờ tổ quốc cho tôi*

....

*Anh em tôi trong những giờ tuyệt lộ  
Nằm lại bờ lúc chiến hạm ra khơi.  
Chiến hữu tôi chết đầu sông cuối biển  
Ngày tan hàng đành nằm lại quê hương*

*Không ai trở cho khúc kèn truy điệu  
Không có ai phủ giúp ngọn cờ vàng.  
Hãy phủ cờ lên nấm mộ tử sĩ  
Xác bị xói đào trong nghĩa trang xưa  
Hãy rải hoa trên con đường thấm máu  
Phút lui binh phải gãy súng buông cờ.*

Anh là huynh trưởng của tôi, sau khi tốt nghiệp Khóa 16 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, anh đã phục vụ trong ngành Tâm Lý Chiến cho đến ngày phải tan hàng, vào tù theo vận nước. Trong binh nghiệp, anh cầm bút nhiều hơn cầm súng. Tôi đã buông súng, nhưng anh thì chưa hề buông bút. Anh là một trong những người lính chiến đấu bằng ngòi bút cho đến giây phút cuối cùng, đã để lại cho đời, cho chiến hữu, bạn bè cùng thế hệ con cháu những “chiến tích” rất đáng được trân trọng, tự hào, như anh đã viết trong lời tựa cho Tuyển Tập cuối cùng:

*Chúng tôi không có của cải, tài sản gì để lại, ngoài “**Huy Phương Tuyển Tập**,” xin gửi đến bằng hữu và bạn đọc như là một món quà chia tay.”*

Khi nhận được tuyển tập “*Ga Cuối Đường Tàu*” và đọc những dòng tâm tình của anh, tôi liên tưởng tới lời xưa của cụ Phan Bội Châu:  
“*Con chim sắp chết hót tiếng bi thương,*

*Con người sắp chết nói lời tâm huyết”*

Cụ Phan Bội Châu viết lời này trong **Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư** năm 1903. Mãi ba mươi bảy năm sau (1940), Cụ mới qua đời tại



Bến Ngự trong cảnh bị giam lỏng. Ông anh xứ Huế của tôi vừa bị định mệnh lên án treo. Anh có được ân xá và diên trì sự sống một thời gian dài như Cụ Phan? Trong viễn

ảnh Phật giáo mà anh là một tín đồ, tiếng gọi về ngay hay lệnh hoãn không nhất thiết là tốt hay xấu, chỉ là duyên nghiệp trong luật tử sinh chung. Và việc ở hay đi nào có gì quan trọng, nếu người ta sống xứng đáng và yêu thương tới giờ phút cuối cùng.

Tôi tin anh Huy Phương đã quan niệm và hằng sống theo chí hướng ấy. Thấy anh đã thấm mệt, chúng tôi xin cáo từ. Anh kéo chúng tôi ngồi sát lại anh hơn, ôm vai hai chúng tôi, bảo cô con gái chụp mấy tấm hình kỷ niệm. Thấy anh cố gắng nở nụ cười, chúng tôi cũng cười theo. Anh viết tặng anh Trần Huy Bích tuyển tập cuối cùng của anh. Nét chữ run run. Anh Bích nhận món quà với nhiều cảm xúc. Chúng tôi cảm ơn chị và cháu mà không biết chia sẻ một lời nào, ôm anh thật chặt trước khi bước ra cửa, trong lòng lẫn lộn những nỗi niềm, khó tả.

Xin cầu chúc anh, dù ở hay đi, vẫn luôn nở những nụ cười, thanh thản, mãn nguyện. Hẹn gặp lại anh ở sân ga cuối đường tàu.

**Phạm Tín An Ninh**  
(đầu tháng 5 năm 2021)

(\* *Lê Nghiêm Kinh là tên thật của Nhà văn Huy Phương*

\*\*\*

# TRONG CHỖN BỤI TRẦN

*Nguyệt Hoà*



*Trong chốn bụi trần,  
ta chỉ là những vị khách qua đường của tháng năm*

Ngày tháng thoi đưa, cuộc đời đã trải qua bao mưa gió, giữa gặp gỡ và ly biệt mà diễn dịch ra buồn vui tan hợp của cuộc đời. Những bước chân vội vàng hối hả không níu được thời gian, chẳng giữ được thanh xuân. Rất nhiều người cũng như rất nhiều sự tình, vốn vẫn chưa nhìn được rõ ràng tường tận, thì chúng đã vội trôi đi...

Khi ta vừa mới biết thế nào là trưởng thành cũng chính là lúc chợt nhận ra rằng bản thân mình đã không còn trẻ nữa. Ngày trước, ta cứ luôn cho rằng năm tháng đời người dài đằng đẵng, thế mà giờ đây nhìn lại thấy sự đời sao quá vô thường. Năm tháng trôi đi một cách vô tình, thời gian vốn chẳng do ta nắm giữ.

Năm tháng còn lại mỗi ngày một ngắn, thời gian cứ thế mỏng dần mỏng dần. Từ điểm bắt đầu cho đến điểm kết thúc, có niềm vui, có nỗi buồn, có hạnh phúc, có thương đau, cũng có những chặng đường chúng ta phải tự mình bước đi, tự mình lĩnh ngộ.

Trên con đường đời, thân động theo cảnh, nếu như có thể, thử hỏi có ai không muốn quãng đi hết thấy phiến nào chốn hồng trần mà sống trọn với tình yêu thương?

Thời trẻ, chúng ta mãi luôn cho rằng quãng đường phía trước dường như vô tận, có lượng lớn thời gian có thể nắm bắt. Nhưng khi nắng sớm bình minh rọi qua cửa sổ, xuyên qua ký ức, rơi vào trong những khoảnh khắc đã đi xa đó, ta mới chợt nhận ra, năm tháng dài đằng đẵng đó từ sớm đã ở ngay bên cạnh.

Biết bao phen hoa nay đã thành ra xưa cũ, biết bao năm tháng giờ đã đổi thay, thời gian giống như một món kỷ vật xưa cũ, khâu khâu vá vá, nhưng lại không nở vút đi. Những năm tháng đã đi xa đó, đã từng chứa đựng giấc mộng, thấm nhuần cái tuổi thanh xuân, lấp đầy những ký ức.

Có người từng nói: Khi còn trẻ chúng ta không hiểu biết gì cả, đến khi chúng ta hiểu biết rồi mới chợt nhận ra rằng ta đã không còn trẻ nữa...

Mỗi người đều có một chặng đường gian nan khó bước, cần bản thân phải tự mình lĩnh ngộ và bước đi. Chỉ cần tâm vẫn còn đó, có thể đi được bao xa thì hãy cứ đi bao xa. Sau khi vượt qua những thử thách chông gai, bạn sẽ nhận thấy rằng bạn còn mạnh mẽ hơn mình nghĩ rất nhiều.

Năm tháng đặng đặng đong đưa, luôn cũng có những khoảnh khắc đáng nhớ được lưu lại. Những lúc nhàn rỗi, chọn ra một đoạn thời gian thuộc về mình, pha một ấm trà tịnh tâm, mỉm cười trong hương trà thoang thoảng, làm ấm tâm mình trong những ký ức tươi đẹp. Mỗi một chút đến đến đi đi đó đều là món quà tuyệt vời của tháng năm. Điều may mắn là chúng ta chưa từng cô phụ thời gian, cũng chưa từng cô phụ bản thân mình.

Có người từng nói, chờ đợi là bắt đầu già dặn của một đời. Một đời này định sẵn không thể quay trở lại, chi bằng坦然 nhiên đón nhận, đạt được hay mất đi, hãy cứ xem nó là điều đương nhiên, điềm tĩnh ôm giữ quang cảnh trong tâm, nhìn cười bốn mùa thay đổi. Tình người ấm lạnh, hãy xem nó là điều đương nhiên.

Trưởng thành không phải là tâm đã trở nên già đi, mà là tâm thái ngày càng điềm tĩnh ung dung. Với năm tháng vĩnh hằng mà nói, chúng ta chẳng qua chỉ là một hạt bụi nhỏ nhoi chẳng đáng kể. Vậy nên, hãy thuận theo tiếng gọi từ nơi sâu thẳm trong tâm, sống sao cho lòng thanh thản, để mỗi ngày đều cảm nhận được niềm vui.

Trong cõi hồng trần này, mỗi người chẳng khác chi người khách từ phương xa đến, thời gian sẽ cho chúng ta biết: niềm vui lâu bền nhất là niềm đam mê giản đơn, người khiến ta yên tâm nhất là người đồng hành với bạn hàng ngày, người khiến bạn ấm áp nhất là người bạn tri âm luôn thấu hiểu bạn.

Cảm ơn những ai đã cùng ta dắt tay nhau đi qua những đoạn chặng đường ấm áp, mong bạn hãy trân quý những người luôn ở bên. Trong năm tháng xế chiều, hãy gieo thêm hạt giống thiện lương, để tình yêu thương được lưu lại dài lâu.

Thời gian, giống như một quyển sách, dù đã trải qua bao năm tháng, nhẹ nhàng lật lại, các chữ trong sách tuy đã ngả vàng, nhưng vẫn khiến lòng người thổn thức. Mong người khách viễn phương đều sẽ thấy được những quang cảnh tươi đẹp, mong bạn khi trở về không dính bụi trần của tháng năm.

\*\*\*

# Bông Hồng Cho Mùa Xuân

*Lý Thụy Ý*



*Bán cho tôi một bông hồng đi, cô bé!  
Đóa nào tươi còn búp nụ mịn màng.”  
Tôi ngược lên: “Xin ông chờ tôi lựa.  
Một bông hồng vừa ý nghĩa, vừa sang!”*

*Khách mỉm cười: “Cô thật tài quảng cáo!  
Thế... hoa hồng mang ý nghĩa sao, cô?”*

Tôi bối rối: “Hình như người ta bảo  
Nó tượng trưng tình nồng thắm vô bờ.”

“Cám ơn cô! Giá bao nhiêu đây nhỉ?”  
Tôi lắc đầu: “Thôi, xin biếu không ông,  
Một đoá hoa không bao nhiêu ông ạ!  
Rất mong ông làm người đẹp vừa lòng.”

Khách bỗng nhìn tôi, mặt như xoáy lốc.  
“Cô bé lắm! Tôi không tặng người yêu.  
Thằng bạn thân tuần qua vừa ngã gục,  
Một bông hồng cho nó bớt quạnh hiu.

Nhưng cô bé phải nhận tiền tôi đi chứ!  
Hoa cho không, rồi mẹ mắng làm sao?”  
Tôi cúi mặt. “Xin gửi người xấu số,  
Chuyện của ông làm tôi bỗng ghen ngào!”

Khách quay đi, áo hoa rùng đã bạc,  
Dáng cao gầy khuất hẳn bóng chiều nghiêng.  
Tôi bất chợt đưa tay làm dấu thánh:  
 (“Mẹ giữ gìn cho người ấy bình yên!”)

Trời đầu xuân còn vương vương sắc lạnh,  
Nắng vàng mơ, má con gái thêm hồng.  
Tôi băng khuâng nhớ đến người khách lạ.  
(Mình nhớ Người, Người có nhớ mình không?)

Chiều 29 phố phường sao tấp nập  
Người ta vui từng cặp đẹp bên nhau.  
Mắt tôi lạc...rồi bỗng dừng bình sáng;  
“Phải anh không? Người khách lạ hôm nào?”

*Tim đập mạnh sau áo hàng lụa mỏng,  
Anh đến gần, lời nói cũng reo vui:  
“...Sao cô bé... hàng hôm nay đắt chứ?  
Có nhớ tôi... hay cô đã quên rồi!*

*Hành quân xong, tôi vừa về hậu cứ,  
Ghé ngang đây xin cô một bông hồng  
Và mong cô cho tôi xin lời chúc:  
“Rất mong ông làm người đẹp vừa lòng.”*

*Tôi bỗng nghe như tim mình thất lại,  
Gượng tìm hoa, rồi trao tặng tay Người.  
Khách nhìn tôi, mắt bỗng dừng dịu xuống,  
Đáy dăm chiêu và nghiêm lại nụ cười:*

*“- Xin lỗi cô, nếu lời tôi đường đột,  
Nhưng thật tình tôi không thể nào quên  
Người con gái trong một lần gặp gỡ,  
Nhớ thật nhiều... dù chưa được biết tên*

*Một bông hồng - như hôm nào cô nói:  
Là tượng trưng tình nồng thắm vô bờ.”  
Tôi run tay, nhận hoa hồng Người tặng  
Sự thật rồi... mà cứ ngỡ đang mơ.*

**\*\*\***



# Viên Sĩ Quan

## Đa Hiệu :

# BÙI QUYỀN

*Đề tưởng niệm 3 năm ngày mất (30 tháng 5 năm 2020-2023)  
Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Khóa 16, Trung tá Bùi Quyền, bài viết về ông  
được trích đăng từ tác phẩm “**Thân Tùng Trước Bão Táp**” của tác giả  
Orchid Thanh Lê, một hậu duệ Khóa 11.*

**Orchid Thanh Lê**



Trung tá ND Bùi Quyền

Sau vài lần chuyện trò với ông, tôi đã quen nghe giọng nói trầm âm và thanh lịch nên đoán ông là người Hà Nội. Ông bảo tôi đúng phần nào bởi lẽ quê gốc của ông ở Phú Lý, Hà Nam nhưng lại được sinh ra tại Hà Nội. Lại thấy tôi ngắm nghía tấm ảnh ông chụp trong quân phục Nhảy dù, ông kể rằng thuở nhỏ ông mảnh khảnh chứ không dày dạn phong sương như thời trai tráng đâu. Thật vậy ư?

Từ xưa đến nay, tin ngưỡng dân gian cho rằng khi một đứa trẻ hay đau yếu, khóc quấy thì không hẳn là do bị bệnh từ thân mà có thể đứa trẻ ấy sinh vào ngày kỵ nên rất khó nuôi. Phần ông không biết có sinh nhằm ngày kỵ hay không nhưng rõ ràng là chị, anh, và em gái ông lâm bệnh rồi lần lượt từ già cỗi đời chỉ trong vòng một năm rưỡi. Mẹ ông sợ hãi, nghe người ta bàn nên bán khoán con cho Đức Thánh Trần – Ngài oai phong lẫm liệt, lấy vía của Ngài thì không có ma, quỷ nào dám trêu ghẹo. Vậy là mẹ đem ông lên đền Sông bán khoán.

“Thành thử ra tôi cứ phải mặc áo đóng dấu, lại thêm đeo bùa trong túi, khổ lắm! Ăn gì cũng kiêng, thứ gì cho là lạnh thì mới được ăn.”

Hóa ra ông trở thành con cầu tự rồi còn gì! Nghe tôi kết luận, ông cười: “Được cái từ đó trở đi không phải đòn.”

Đến tuổi thanh niên thích kết bạn kết bè thì ông cụ mắng:

“Mày cứ ham chơi. Bỏ mà không nuôi thì sau này mày chỉ có cạp đất mà ăn.”

Nghe mà tức khí! Thế thì thôi, ông đăng lính. Ông đã hoàn tất Tú tài II, đang là sinh viên Đại học Khoa học thành thử ra khi nộp đơn thì được nhận ngay mà không phải qua sát hạch. Song thân chẳng ai hay biết, cứ tưởng ông lên Đà Lạt chơi. Lúc biết chuyện, ông cụ tá hỏa tam tinh thì cậu con độc đinh đã nhập ngũ Khóa 16 của quân trường khi ấy vẫn còn mang danh Võ bị Liên quân Đà Lạt và khoảng nửa năm sau ngôi trường được xây cất mới với danh xưng Võ bị Quốc gia Việt Nam.

Khi trở thành Chỉ huy trưởng Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam, **Trung tá Trần Ngọc Huyền** (sau này được vinh thăng Đại tá) bán khoán với sự nhận xét của một số tùy viên quân sự nước ngoài. Họ cho rằng sĩ quan Việt Nam dở quá vì thú tiêu khiển thường là chỉ biết đánh cờ tướng thôi còn thì ít biết các môn khác. Trung tá Huyền ngẫm lại và thấy lời nhận xét có lý. Một khi là sĩ quan thì dưới quyền có lính; mà sĩ quan có thể không tham gia nhưng ít ra là biết luật lệ của các môn thể thao chẳng hạn như bóng rổ, bóng chuyền, v.v. để làm trọng tài cho lính chơi. Ông Huyền bèn đề đạt lên vị nguyên thủ quốc gia phương thức huấn luyện Sinh viên Sĩ quan trường Võ bị Quốc gia để trở thành sĩ quan đa hiệu văn võ song toàn. Tổng thống Ngô Đình Diệm nghe qua thấy hợp ý, liền nói:

“Anh phải về lo huấn luyện các sinh viên trở thành những gentlemen cho tôi.”

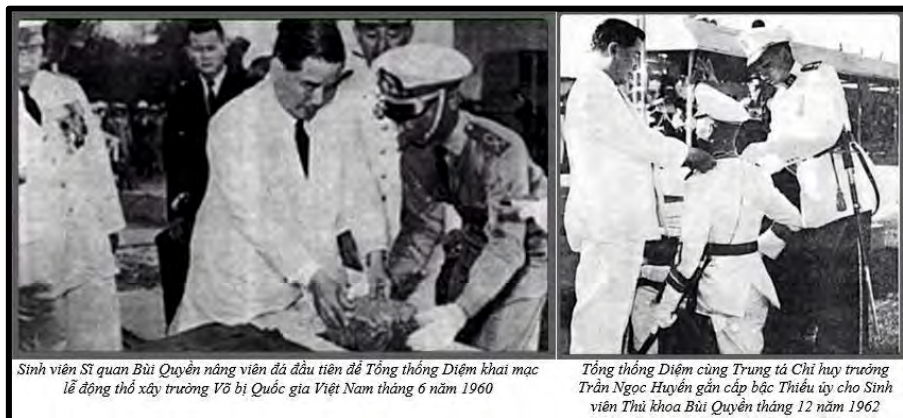
Quả nhiên, sự huấn luyện sáng tạo và bạo dạn của Chỉ huy trưởng Trần Ngọc Huyền cùng với sự ủng hộ tích cực của Tổng thống Ngô Đình Diệm đã đem đến những kết quả tốt đẹp: các Sinh viên Sĩ quan Võ bị Quốc gia khi mãn khóa không chỉ trở thành những sĩ quan ưu tú của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là những người đàn ông lịch lãm. Ngay từ lúc nhận cấp hiệu Alpha từ khóa đàn anh, các Sinh viên Sĩ quan đã dang lời thề trước bàn thờ Tổ quốc: “Tôi lấy danh dự mà thề không ăn gian nói dối và không để những người trong hàng ngũ chúng tôi phạm những lỗi trên mà không bị trừng phạt.” Lời thề đơn giản mà nghiêm. Từ đó trở đi, các Sinh viên Sĩ quan tuân theo qui củ mà làm gương cho chính mình và đồng đội.

Cùng với chương trình huấn luyện quân sự, Sinh viên Sĩ quan còn được trau dồi văn hóa bậc Cao đẳng Đại học về các lĩnh vực: khoa học thuần túy, khoa học ứng dụng và nhân văn xã hội. Cuối tuần, vị Chỉ huy trưởng dạy qui tắc giao thiệp lịch sự. Ngoài kiến thức ngôn từ xã giao, các điều học hỏi xoay quanh sự kính trọng bản thân và người xung quanh, chẳng hạn giữ cửa mở cho người cùng đi ra hoặc vào, nhường chỗ cho người già, phụ nữ, và trẻ em, biết vị trí của mình lúc đi cùng người đàn bà ở ngoài đường, khi lên hoặc xuống thang lầu, v.v.. Sinh viên Sĩ quan còn biết phân biệt cung cách dự tiệc giữa kiểu Mỹ và kiểu Tây: các loại cốc, đĩa, dao đặt theo thứ tự nào và ai ngồi đầu bàn, bên trái, bên phải ra sao; ấy là chưa kể các môn khiêu vũ, thể thao và võ thuật. Học để trở thành những người đàn ông đứng đắn. Những điều này được học mà không phải thi.

Cứ mỗi năm khi khóa đàn anh ra trường, người có điểm cao nhất của khóa kế tiếp lên làm Liên đoàn trưởng còn hai người có điểm cao tiếp theo làm Tiểu đoàn trưởng. Mỗi Tiểu đoàn có ba Đại đội, sau này là bốn Đại đội. Liên đoàn trưởng, hai Tiểu đoàn trưởng và các Đại đội trưởng được đeo kiếm thay vì mang súng và phải học cách chào kiếm. Khóa trên cùng là khóa huynh trưởng nên các khóa đàn em khi gặp là phải chào. Giờ đi học, khóa huynh trưởng không phải sắp hàng còn những khóa đàn em phải tập hợp trước. Đến giờ ăn, khóa huynh trưởng thẳng bước đến Phạn điểm (sau này đổi thành Phạn xá) trong khi ba khóa còn lại phải xếp hàng tuần tự bước vào. Bàn ăn trong Phạn điểm được sắp đặt theo bữa cơm vương, tức là một bàn ăn gồm bốn khóa sinh của bốn khóa. Đàn anh đặt câu hỏi đến các khóa sinh đàn em để kiểm

tra kiến thức quân sự đã học. Có văn ôn võ luyện như thế thì các khóa sinh mới hòng vượt qua các kỳ sát hạch khắc khe. Là một người khiêm tốn, ông không hề kể cho tôi nghe thành tích Sinh viên Sĩ quan Thủ khoa của mình. Tuy nhiên, các niên trưởng cùng khóa với ông cho tôi biết rằng người được công nhận Thủ khoa gần như đạt số điểm tuyệt đối của các năm học cộng với sự xét duyệt về nhiều khía cạnh khác nữa.

Thấy trên tay tôi có xấp ảnh tài liệu, ông nhặt ra hai tấm ảnh và thổ lộ một điều thú vị mà ông cho rằng hiếm ai để ý. Tấm thứ nhất ghi



*Sinh viên Sĩ quan Bùi Quyền nâng viên đá đầu tiên để Tổng thống Diệm khai mạc lễ động thổ xây trường Võ bị Quốc gia Việt Nam tháng 6 năm 1960*

*Tổng thống Diệm cùng Trung tá Chỉ huy trưởng Trần Ngọc Huyền gán cấp bậc Thiếu úy cho Sinh viên Thủ khoa Bùi Quyền tháng 12 năm 1962*

lại hình ảnh lễ động thổ vào tháng 6 năm 1960 khi sinh viên Sĩ quan Bùi Quyền nâng viên đá đầu tiên để Tổng thống Diệm đặt làm biểu tượng nền tảng xây cất Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam trên ngọn đồi 1515 ở phía bắc thành phố Đà Lạt. Đây hẳn là một điềm lành ứng trước vì tấm ảnh thứ hai được chụp vào tháng 12 năm 1962 mà trong đó Tổng thống Diệm cùng Trung tá Chỉ huy trưởng Trần Ngọc Huyền gán cấp bậc Thiếu úy cho Sinh viên Thủ khoa Bùi Quyền tại lễ mãn khóa.

Tân Thiếu úy Bùi Quyền, Thủ khoa Khóa 16, đã giương cung bắn bốn mũi tên đi bốn phương tượng trưng cho chí tang bồng hô thi.

Ông còn được trao Kiếm Chỉ huy như một biểu tượng của lời thề nguyện thi hành đại nghĩa. Ông nhớ rõ:

*“Đó là thanh bảo kiếm của trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam. Dọc hai bên thanh kiếm có khắc tên Thủ khoa của từng khóa, bắt đầu từ Khóa I. Các tên được khắc bắt đầu từ chuôi kiếm. Đến Khóa 16 thì tên tôi được khắc ngay đầu một bên lưỡi kiếm.”*

Đề rồi lời tiếp nói như nổi ngậm ngùi:

“Ở đầu lưỡi kiếm thì vất vả lắm, có lẽ vì vậy mà sau này tôi phải đứng mũi chịu sào, gian nan nhiều chẳng?”

Ngày ông sắp sửa rời trường, Kiếm Chi huy được gửi lại và treo ở Phòng Danh dự. Ông cũng nhận riêng thanh Kiếm Thủ khoa cá nhân có khắc tên mình cùng khóa học để đem về nhà. Sau biến cố tháng tư 1975, Kiếm Thủ khoa tản thất theo số phận miền Nam Việt Nam.

Chủ tọa lễ mãn khóa, Tổng thống Ngô Đình Diệm đặt tên cho Khóa 16 Võ bị Quốc Gia Việt Nam là **Khóa Áp chiến lược**. Cùng năm đó, Tổng thống đồng đặt tên “Áp chiến lược” cho Khóa 13 của Liên trường Võ khoa Thủ Đức và Khóa 3 Hiện dịch Đặc biệt của Trường Hạ sĩ quan Quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở Đồng Đế, Nha Trang để đánh dấu quốc sách chính phủ đệ nhất Cộng hòa đang thực hiện.

Quốc sách đó là kế hoạch Áp chiến lược. Chủ trương của kế hoạch là cách ly thường dân khỏi cộng sản, cô lập nguồn tiếp tế của quân du kích và hạn chế chúng xây dựng cơ sở hoạt động. Ngoài ra, địa phương quân có thể sử dụng áp chiến lược như công sự phòng ngự khi hữu sự. Ông nhận định:

“Chính sách “Áp chiến lược” dồn dân lập ấp rất hay. Đối với miền Bắc nếu áp dụng thì hẳn thành công, nhưng đối với miền Nam thì gặp trở ngại. Các làng miền Bắc có lũy tre bao bọc; nhưng các xã miền Nam thường dọc theo các con kinh hoặc bờ sông thì không thể nào làm rào chắn phân ranh giới được. Thành thử ra cộng sản lợi dụng thu thuế. Ngày xưa dân đưa xe vào rừng chặt cây phải chuẩn bị sẵn những bát cơm để dưới gốc cây thì chúng mới cho đi. Hơn nữa, đa số dân miền Nam có lý tưởng đánh Tây, nhưng họ không hiểu cộng sản như những người Bắc di cư đã thấu hiểu, thế thôi.”

Dù các khía cạnh khác của chính sách Áp chiến lược không được nhắc đến nhưng ngầm hiểu rằng bất cứ một kế hoạch xây dựng nông thôn nào thời đó cũng khó mà thực hiện thành công bởi bản chất gây rối của cộng sản. Cũng do tình hình chiến sự, các tân Thiếu úy sau lễ mãn khóa được nghỉ 15 ngày phép là đến trình diện để phục vụ ngay tại các đơn vị Nhảy dù, Thủy quân Lục chiến, Biệt động quân và các sư đoàn Bộ binh. Những Sinh viên Sĩ quan từ đổ đầu đến thứ hạng 14 được ưu tiên tuân tự chọn đơn vị phục vụ.

Không lấy gì làm ngạc nhiên khi ông chọn đơn vị Nhảy dù, một binh chủng thiện chiến. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn biết tại sao ông chọn Nhảy dù mà không là một binh chủng xuất sắc nào khác, như Thủy quân Lục chiến chẳng hạn.

“Vào Nhảy dù trước hết là phải tình nguyện. Báo chí hồi đó ca ngợi Đại úy Kong Le, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Nhảy dù Quân đội Hoàng gia Lào, đã thực hiện một cuộc đảo chính ở Vientian với kỳ vọng chấm dứt được cuộc nội chiến giữa các phe phái, chống tham nhũng tận gốc và thiết lập một quốc gia trung lập. Tôi theo dõi tin tức về Kong Le thì lấy làm thích thú. Lại thêm đơn vị Nhảy dù tuyển mộ bằng cách cho quân nhân đến nhảy dù biểu diễn. Cứ hình dung người lính Nhảy dù phóng mình ra khỏi máy bay, đôi khi còn thực hiện một pha nhào lộn ngoạn mục trên không trước khi mở những cánh hoa dù lơ lửng đáp nhẹ nhàng xuống mặt đất, thử hỏi Sinh viên Sĩ quan nào mà chẳng nức lòng?” Tuy nhiên, nhảy dù không phải chuyện vi vu thơ mộng cùng bầu trời với gió mây bạt ngàn. Trên thực tế, các quân nhân phải trải qua những cuộc huấn luyện đầy cam go và thử thách. Nhảy dù phải biết tính toán sức gió tại những thời điểm khác nhau, chẳng hạn như trời càng về chiều thì gió càng mạnh. Nhảy dù mà đụng nhau vướng dây thì có khi chết cả hai. Người nhảy dù sau nếu trọng lượng nặng hơn thì có thể rơi trên chóp dù của người nhảy trước nên phải hô tránh. Nếu khả năng nhảy ra mà dù lưng không mở thì phải dùng đến dù bụng vậy thì phải được huấn luyện thuần thục cách dùng tay kéo quai cho bật dù bụng, v.v.. Đối với những khóa sinh tập tễnh nhảy dù, họ phải lên đài cao 13 thước để tập nhảy. Từ trên cao nhìn xuống bên dưới thấy mọi thứ nhỏ xíu nên còn chưa quen. Sau này họ được đàn anh truyền kinh nghiệm rằng không nên nhìn xuống đất mà nhìn ngang tầm mắt chẳng hạn hướng về cây cối thì không còn cảm giác e dè nữa. Riêng huấn luyện viên dạy nhảy dù thường răn đe những khóa sinh mới. Còn nhớ ông Thượng sĩ tên Tư há miệng cho các khóa sinh xem:

“Tớ nhảy dù không đúng cách nên giờ này mới không còn cái răng nào!”

Dẫu biết đó chỉ là lời cảnh báo nhưng ai cũng ráng chú tâm học kỹ. Lúc nhảy dù thì quan cũng như lính. Ba-lô đều phải buộc vào chân, duy khác có điều là sĩ quan chỉ huy đeo súng Colt còn lính thì mang súng dài, nặng hơn. Nếu quân số nhảy dù ít thì bọn địch mới dám kháng

cự còn nêu nhảy dù cả Tiểu đoàn với dù bung đầy bầu trời thì bên dưới địch đã khiếp vía bỏ chạy.

Thời ấy chưa có nhiều trực thăng, có những vùng nếu điều quân bộ binh đến chỗ giao tranh thì mất nhiều thời gian thành thử dùng vận tải cơ để thả quân nhảy dù xuống là đánh ngay. Trước đó, phi cơ đã oanh tạc và pháo binh đã cày nát để dọn bãi cho nhảy dù. Đối với kiểu nhảy dù tác chiến từ máy bay lớn ở độ cao khoảng một nghìn bộ, người lính móc dù lưng và dù bụng vào dây cáp giữa hai rãnh dọc thân máy bay rồi nhảy ra khỏi cửa máy bay. Chỉ mất độ vài ba giây thì dù mồi mở ra, kéo dù chính lên vừa đủ áp lực để người lính dù bay ra, sức nặng của người nhảy làm đứt dây trên nóc thành thử dù bung ra khiến người rơi xuống. Các quân nhân nhảy dù rơi xuống cách nhau cỡ năm, sáu mươi thước. Lúc vừa chạm mặt đất, họ cởi dù ra và tác chiến ngay vì đã trang bị lựu đạn cá nhân sẵn để tự mình bắn địch. Sĩ quan cũng như lính tự động chiến đấu mà không hợp đồng tác chiến. Đánh xong xuôi người đại đội trưởng sẽ ném trái khói màu đã qui định trước, chỉ trừ khói màu đỏ là dành cho máy bay bắn, để mọi người theo hướng tập trung đó mà về. Khi tập hợp lại, ai có cấp bậc cao nhất sẽ chỉ huy toán, cứ thế gom đủ quân cho đến lúc gặp vị chỉ huy chính. Sau đó sẽ có một đại đội công binh nhảy xuống thu nhặt dù đem về.

Khi ông ra trường năm 1962, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã có nhiều trực thăng đa dụng trên khắp chiến trường miền Nam nên nhảy dù tác chiến bằng vận tải cơ không còn thích hợp nữa. Tính ra ông chỉ nhảy dù tác chiến hai trận trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình.

Đơn vị Nhảy dù phát triển quân số qui mô đến cấp Sư đoàn với tên gọi chính thức là **Sư đoàn Nhảy Dù Việt Nam Cộng Hòa**. Vào thời điểm đó, Sư đoàn đã có sẵn ba Lữ đoàn và một Lữ đoàn đang thành lập. Một Lữ đoàn lại có ba Tiểu đoàn mà trong đó Tiểu đoàn Pháo binh gồm một pháo đội chỉ huy và ba pháo đội tác chiến khác. Khi Lữ đoàn hành quân thì cả Tiểu đoàn Pháo binh đi theo. Mỗi Tiểu đoàn lại có một Đại đội Đa năng được học về Trinh sát để biết cách gài mìn, phá cầu, và ám sát. Cấp Tiểu đoàn còn có một bác sĩ Nhảy dù đi theo. Khi Tiểu đoàn dừng ở đâu thì có Đại đội chỉ huy ở lại và theo tứ chế tức có bốn Đại đội tác chiến không kể Pháo đội hay Đại đội Đa năng. Bộ Tư Lệnh Sư đoàn đặt tại trại Hoàng Hoa Thám ngay cạnh sân bay Tân Sơn Nhất. Một khi nhận lệnh ứng chiến thì lính Dù đã có mặt ở sân bay. Sau này

không đủ xăng nhớt để chuyên chở, cấp trên dự trù mỗi vùng có một Lữ đoàn Dù và riêng Sài Gòn sẽ có hai, còn nơi nào thiếu thì sẽ tiếp ứng thêm.

Được hỏi về kinh nghiệm chỉ huy, ông cho biết ngay sau khi ra trường đã phải đi theo ba vị Chuẩn úy và một Thượng sĩ Nhất để học hỏi kinh nghiệm. Ông bộc bạch:

“Làm chỉ huy phải nắm vững nguyên tắc “Dụng nhân như dụng mộc”. Tùy tính cách của mỗi chiến sĩ mà dụng binh. Trong hành quân chẳng hạn, để đại đội nào cũng tự tin rằng đại đội họ thiện chiến thì vị chỉ huy nào khéo dụng binh sẽ cho đại đội vững nhất đi tiên phong nếu biết đoạn đường đó chắc chắn đặng địch; còn đoạn đường kém nguy hiểm hơn thì đưa đại đội trung bình lên. Khi cần trình sát thì lại đưa những tay giỏi về lục soát, tỉ mỉ cho đi đầu.”

“Thế thì người làm chỉ huy phải gần các anh em.”

“Đó là điều cần thiết dù không bắt buộc. Sống lâu với đơn vị thì người chỉ huy hầu như biết cá tính của từng chiến sĩ. Hầu hết các Trung đội trưởng thường đem theo bên mình một quyển sổ cá nhân trong đó ghi tên các quân nhân trong Trung đội cùng các đặc điểm riêng chẳng hạn như tôn giáo gì, nhóm máu nào, địa chỉ cấp báo, số giày hành quân, số giày nhảy dù, loại vũ khí sử dụng, v.v.. Ngoài ra, đâu phải Trung đội nào cũng chỉ gồm quân nhân Việt mà còn có cả người Miên, người Nùng nữa. Do vậy mà tôi cũng học lõm lõm tiếng Miên đủ để ra lệnh. Còn nhớ có anh lính Miên hay cười nên tôi nói đùa: “Mày đừng cười, tao chóa mắt” bởi vì răng anh ta bật vàng. Lại có lúc điên đầu với anh lính Nùng luôn.”

“Do người Nùng không rành tiếng Việt chẳng?”

“Không phải, họ có cái luật buồn cười lắm: chỉ tuân theo lệnh vị chỉ huy trực tiếp. Nhớ có lần tôi bố trí đóng quân, giao cho tiểu đội anh Nùng canh gác hướng đó. Thế rồi lúc rút quân đi, tiểu đội hấn ta vẫn ở lại. Trung đội trưởng khác bảo dời đi hấn cũng cương quyết không nghe. Gần đến giờ máy bay thả bom rồi, tôi kiểm tra quân số thấy thiếu người, hỏi ra thấy còn một tiểu đội ở lại. Sau đó khi tập trung đủ, tôi hỏi ra thì nghe giải thích: “Thiếu úy bảo tôi ở lại chỗ đó vậy chỉ khi Thiếu úy bảo tôi đi thì tôi mới đi.” Họ trung thành vậy đấy! Đi với các anh Nùng không bao giờ sợ bị mất xác vì họ gắng đem xác đồng đội về gia đình cho bằng được.”



Tôi hỏi về cách quân nhân lấy bằng dù để được lĩnh lương theo tiêu chuẩn Nhảy dù. Ông giải thích:

“Điều lệ qui định nếu nhảy dù trận thì chỉ cần một lần trong năm là đủ. Còn không thì mỗi quân nhân phải thực hiện đủ bốn saut một năm. Sau này có trục thăng, chỉ cần buổi sáng ra phi trường lên trục thăng rồi nhảy dù xuống bãi ở cầu Tham Lương chẳng hạn.”

“Vậy xem ra nhảy dù về là có tiền đi chơi rồi.”

“Đúng vậy! Phụ cấp Nhảy dù tương đương với phụ cấp lái máy bay bên Không quân. Cứ tính lương một Thiếu úy ra trường là 4.100\$ nhưng nếu có thêm bằng dù tức nhảy đủ bốn saut một năm thì lĩnh 7.200\$. Thời đó giá một chai bia Sài Gòn là 10\$, còn một ticket vũ trường nhảy với vũ nữ bốn, năm bản thì chỉ trả độ bốn đến năm chục đồng mà thôi.”

Ông nói tiếp:

“Lính Nhảy dù sống hào sảng và chiến đấu hào hùng. Nhảy dù có sự kiêu hãnh của họ, không muốn bị ai chê chết nhất. Nhảy dù có câu “đi đông, về ít; đi khít, về thưa” đủ để thấy mức độ nguy hiểm mà Nhảy dù phải trực diện. Chỗ nào đánh không được, cần tăng phái thì đưa Lực lượng Tổng Trừ bị vào tiếp ứng. Thủy quân Lục chiến và Nhảy dù là Lực lượng Tổng Trừ bị cho cả nước từ vĩ tuyến 17 đến Mũi Cà Mau, còn Biệt cách dù có những nhiệm vụ đặc biệt như xâm nhập đường mòn Hồ chí minh. Mỗi vùng chiến thuật có trừ bị riêng. Dưới một Tư lệnh vùng là Biệt động quân trừ bị cho ông ấy. Địa phương quân ở đơn vị cấp quận và cấp tỉnh; còn cao thì hơn nữa là Bộ binh.”

“Thưa còn Nghĩa quân thì sao?”

“Nghĩa quân chiến đấu ở mức độ xóm làng. Họ không được trang bị súng ống, đạn dược đầy đủ như lực lượng chính qui. Họ được cái lợi là ở trong xóm làng, gần gia đình. Đó cũng là điểm bất lợi vì nhiều khi bà con, người làng của Nghĩa quân lại là du kích Việt cộng. Họ biết cả, nhưng đành phải lờ đi để sống. Ban ngày Quốc gia bảo vệ dân chúng, ban đêm cộng sản về thu thuế, thu thóc. Xôi đậu vậy đấy!” Nhân đó, ông nhắc đến trận đánh An Lộc với sự hợp đồng tác chiến giữa nhiều quân, binh chủng. An Lộc là một vị trí chiến lược của Việt Nam Cộng Hòa, cửa ngõ tây bắc ngăn cộng quân tiến về thủ đô Sài Gòn. Lúc đó ông mang cấp bậc Thiếu tá Trưởng ban 3 Hành quân của Lữ đoàn 1 Nhảy dù, đơn vị tăng phái trực tiếp cho chiến trường An Lộc. Không

sao quên những trang huyết sử về An Lộc đã ghi lại những chiến tích hào hùng của các đơn vị tham gia.

“Việt cộng đi đến đâu thì dân mình chạy ra khỏi đó. Khi Lộc Ninh ở phía Bắc An Lộc bị thất thủ, dân phải qua An Lộc rồi mới tới Sài Gòn được. Nhưng Việt cộng lại đánh chặn quốc lộ 13 hướng về Sài Gòn, dân không còn lối chạy nữa nên đành ở lại xem ra còn an toàn hơn là cố gắng thoát khỏi nơi địch đang bao vây. Còn quân đội bắt buộc phải ở tại chỗ; một phần do thừa lệnh tử thủ của vị Tư lệnh, phần còn lại là họ ý thức được trách nhiệm bảo vệ quốc gia bằng không cũng bị chết. Chính vì dân và quân đồng lòng như thế mà An Lộc trụ vững khiến Việt cộng không chiếm được nơi này để làm thủ đô cho Mặt trận Giải phóng miền Nam như chúng đã từng huênh hoang tuyên bố.”

Nói về những xe tăng địch chạy nghênh ngang vào An Lộc và bị bắn hạ, ông nhận xét:

“Xe tăng của cộng quân thiếu sự phối hợp với bộ đội từng thiết nên xe đi đằng xe, người đi đằng người thành thử ra là mỗi ngon cho quân ta từ trên những tầng lầu bắn đại bác xuống. Lại thêm ta áp dụng chiến thuật bắn M-72 vào xích xe tăng là chúng cũng tiêu.”

Hỏi đủ chuyện về đời quân nhân của ông nhưng vẫn còn một câu hỏi khiến tôi ngập ngừng, e ông phật ý. Rốt cuộc tôi cũng đánh liều hỏi tại sao danh hiệu truyền tin của ông lại nữ tính như vậy. Ông cả cười:

“Xuất phát từ tên của tôi là Quyền, lại thêm chuyện cũ không thành với một cô tên Tố Quyền nên chỉ còn giữ cái tên làm kỷ niệm. Trong mật đàm hành quân mọi người gọi tôi là Tố Quyền. Sau này tại Phòng 101 Bộ Tổng Tham mưu họ bảo: “Anh đánh đấm làm sao mà vùng nào Việt cộng nghe nói có Tố Quyền xuất hiện là chúng được lệnh đoạn chiến; còn giả như bắt đắc dĩ mới phải đánh.”

Thì ra là vậy! Thật không hổ danh một cấp chỉ huy Nhảy dù lỗi lạc đã từng nhận Đệ tứ Bảo quốc Huân chương! Ông lần lượt chỉ huy Tiểu đoàn 8, Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 1, và Tiểu đoàn 5. Chức vụ sau cùng là Lữ đoàn phó Lữ đoàn 3 Nhảy dù.

Ngày 30 tháng tư năm 1975 xảy ra vận đen của quốc gia đúng vào ngày ông tròn 42 tuổi. Đối với bất kỳ một quân nhân Việt Nam Cộng Hòa nào, câu hỏi rằng ngày đó họ làm gì và ở đâu thì xem ra là một nỗi đau. Như tiên đoán được sự ngần ngại của tôi, ông nói ngay lúc ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng thì ông đang ở Biệt khu Thủ

đô. Thấy lính tráng xông vào, ông nhắm không xong liền bàn tính với một vị tướng:

“Tôi không chấp nhận đầu hàng. Nếu Thiếu tướng đồng ý thì liên lạc với Tướng Nguyễn Khoa Nam đi. Tôi sẽ giữ con đường từ Sài Gòn về Mỹ Tho để quân ta lui về Vùng IV.”

“Anh không hiểu gì cả, bây giờ trung lập rồi. Tôi là Tướng mà còn phải nghe lệnh ông Tổng thống nữa là.”

Ông vẫn cố thuyết phục:

“Sức của Lữ đoàn tôi có thể giữ được chốt Cầu Ván.”

Cái lắc đầu cương quyết của cấp trên khiến ông càng thêm thất vọng. Ông từng tính đến chuyện sẽ kéo đơn vị lên Cao Miên dọc biên giới Thái Lan. Ông gọi cho Đại tá Trần Minh Công để xin cả đặc lệnh truyền tin. Nhưng đến lúc ông ta gọi lại cho ông thì mật lệnh của Lữ đoàn Dù đã đổi, liên lạc không được.

Ông đành lên xe Jeep, bảo Trung úy Trữ trưởng Ban Tu đi theo ông xuống Mỹ Tho. Xe chạy qua Bình Chánh còn thấy một trực thăng bị bắn trúng cánh nằm đó. Chạy về đến Bến Tranh thì Trinh sát Sư đoàn 9 còn đương đánh nhau. Ông và Trung úy Trữ xin ngủ lại một nhà dân. Chủ nhà ái ngại, khuyên lơn:

“Thôi bây giờ các ông nên đốt giấy tờ, thay quần áo dân sự đi!”

Sáng ngày 1 tháng 5 ông xuống đến Mỹ Tho thì đã thấy những xe do Việt cộng bắc loa kêu gọi trình diện rồi. Ngã Càn Giuộc không đi được, còn chạy ngả kia theo quốc lộ 4 thì kẹt. Quá tuyệt vọng ông đành quay về. Qua Bến Lức thấy trai tráng hướng Sài Gòn đi xuống bị Việt cộng chặn lại khám cổ chân xem có vết chai sần do mang bottes de saut để còn bắt giữ. Tất cả người ở Vùng IV lên Sài Gòn thì chúng cho đi nhưng từ trên đi trở xuống dưới đó thì bị chặn.

Ông đành thúc thủ chờ ngày đi tập trung. Ông có mặt tại Trường Dòng Don Bosco vào ngày cuối cùng của hạn trình diện, sau đó bị nhốt ở Long Giao rồi chuyển ra Bắc. Đối với cộng sản, Nhảy dù, Thủy quân Lục chiến và Biệt kích là loại ác ôn không tranh cãi. Chúng còn sắp thứ tự “Nhất Phi, nhì Pháo, ba Công giáo, bốn Di cư”. Phần ông ở tù vẫn chưa đủ 5 “lệnh” dù đã trải qua khá lâu những năm tháng tù đầy mòn mỏi.

Xem chừng tôi còn ngỡ chưa hiểu “lệnh” là gì, ông giải thích: “Một “lệnh” là ba năm, đi tù 13 năm rưỡi thì rõ ràng chưa đủ 5 “lệnh””.

Lại thêm mẩu chuyện đầu khôì hài nhưng sao u uân, thê lương khi kể về ban đêm ở trại tù có mấy con tắc kè kêu nghe như “Cóc về! Cóc về!” thì các anh em tù diển giải là “Không có về đâu!”

Nhắc đến kinh nghiệm đáng nhớ khi ở tù cộng sản, ông chia sẻ: “Một khi muốn tồn tại trong nhà tù cộng sản thì đừng bao giờ nghĩ đến ngày về, kế tiếp là đừng nghĩ đến cái ăn, và sau cùng thì không được nghĩ đến cái chết.”

“Xem ra khó quá! Bằng cách nào đây?”

“Phải luôn làm cái gì cho quên đi. Một trong những cách bắt buộc trí óc bận bịu là làm thơ, viết nhạc.”

Thế thời phải thế! Võ Trạng Bùi Quyền vang danh của Khóa 16 Võ bị Quốc gia Việt Nam đã không còn đất dụng võ. Trong bối cảnh đọa đày, ngục thi và tù ca là thú tiêu khiển của ông dưới bút hiệu Tàn Nhu (“Tàn Nhu” là sự đọc lái của hai chữ “Tù Nhân”). Trong tù bọn Việt cộng khám xét thường xuyên khiến ông không viết ra giấy được nên chỉ còn cách nhớ trong đầu. Ông học nhạc lý từ một bạn tù và được dạy luôn cả sáng tác nhạc. Khi có một giòng nhạc nảy ra là ông ký âm ngay trong đầu rồi viết lời sau. Khởi đầu là những bản hùng ca với tự tình dân tộc:

Từ thưở khai nguyên suốt bốn ngàn năm Việt Nam đất nước tôi ông cha dũng liệt bao đời. Giòng dõi Rồng Tiên truyền thống hùng anh nối tiếp sáng ngời. Anh có hay chăng trên khắp quê hương cồng Mè Linh đang vang dội. Anh có nghe chăng sông núi âm vang tiếng trống Hà Hồi. Việt Nam xây tự do. Việt Nam không nô vong.

Đôi khi ông chạnh lòng trong những giây phút riêng tư:

Ngày ấy, hoa đời tươi màu sáng, trái đời chưa vị đắng, cây đời xanh nhựa sống. Còn ta, sông hồ sống phiêu du, đêm về uống trăng mơ, gươm đàn ngắt duyên thơ.

Chuyện cũ đã lâu rồi, vị đắng chát môi cười, cuộc sống vẫn ê chề nổi trôi thương đau. Tù túng, gươm đàn thôi tạm gác, sông hồ thôi tạm xa, duyên tình thôi tạm quên.

Cũng từ những mảng tối của trại tù, ông bật lên khúc trầm ca của lòng:

“Tháng nào đưa em trôi. Lênh đênh trên biển đời. Gió nào đưa em xa. Cho anh bao tiếc nuối. Anh một mình trong tối. Em tìm sống tha hương. Trầm hương xưa mức nở. Trên đá buồn cô đơn.”

Tính ra ông cách biệt người thân những mười sáu năm. Nơi xứ người trong khi nhiều thanh thiếu niên chưa định được hướng đi rõ rệt cho tương lai hoặc sống hoài sống phí thì hai con trai ông ngay từ rất sớm đã đầu tư trí lực lẫn thể lực cho một lý tưởng quốc gia. Sự theo đuổi con đường quân ngũ của họ phần nào ảnh hưởng từ cuộc đời binh nghiệp của thân phụ. Cả hai lần lượt được thụ huấn tại Học viện Không quân Hoa Kỳ (United States Air Force Academy), một trong những quân trường có tiếng của nước Mỹ tại thành phố Colorado Springs, tiểu bang Colorado. Để được tuyển chọn, các khóa sinh phải có kết quả học lực xuất sắc, vượt qua kỳ kiểm tra khắt khe về sức khỏe và phải được một nhân vật uy tín và tầm cỡ, thường là thành viên của Quốc hội Hoa Kỳ tiến cử. Vào được Học viện thì vẫn còn là thử thách lớn với các Sinh viên Sĩ Quan. Họ phải trải qua thời gian đào tạo bốn năm với chương trình dựa trên các giá trị cốt lõi của Không quân: quân sự, học thuật, thể lực, và nhân cách để sau khi mãn khóa sẽ nhận bằng cử nhân khoa học và được phong cấp bậc Thiếu úy Không quân Hoa Kỳ.



*Trung tá Bùi Quyền và hai con hội ngộ tại  
Học viện Không quân Hoa Kỳ*

Kể cũng lạ, binh chủng bố chọn là đáp từ không trung xuống đất trong khi hai con lại chọn quân chủng bay từ mặt đất lên bầu trời, không

lễ bố con gặp nhau tại chôn lơ lửng hoặc có thể chẳng bao giờ gặp lại? Ấy vậy mà bố con ông hội ngộ trong cơ duyên có một không hai. Đó là ngày 29 tháng 5 năm 1991 tại Học viện Không quân Hoa Kỳ. Chính phủ Hoa Kỳ vận động để ông được đưa từ Việt Nam sang Mỹ tham dự lễ mãn khóa người con trai trưởng tốt nghiệp hạng Á khoa.

Cùng dịp, **Tổng thống George H.W. Bush** đã đích thân trao tặng lại cho ông Huy chương bạc Bắc đẩu Bội tinh, Huy chương đồng Anh dũng Bội tinh, và Huy chương khen thưởng Đơn vị mà trước đây Chính phủ Hoa Kỳ đã từng ân thưởng. Thành tích xuất sắc không chỉ dừng lại ở của người con cả mà thôi, người con trai thứ hai của ông tốt nghiệp hạng ba khi mãn khóa. Quả là hổ phụ sinh hổ tử! Ông hẳn toại nguyện như bao quân nhân lý tưởng là mong muốn thế hệ sau họ mang chí lớn gánh vác giang sơn.



***Tổng thống George H.W. Bush trao tặng lại  
các huy chương cho Trung Tá Nhảy Dù Bùi Quyền***

Nhắc đến thời trai trẻ vẫy vùng ngang dọc, đôi mắt ông trở nên xa xăm trong khi ngón tay xoay nhẹ chiếc nhẫn, một biểu tượng của Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam. Đó là một chiếc nhẫn vàng 18 carat có gắn một viên hồng ngọc nằm giữa hàng chữ viết tắt “Võ Bị Quốc Gia

Việt Nam.” Một bên nhấn khắc huy hiệu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và bên còn lại là chạm hình trường Võ Bị. Con số 16 chỉ số thứ tự của Khóa học và con số 62 chỉ năm mãn khóa được dập nổi ở phần cuối nhấn. Thì ra ông vẫn giữ truyền thống đeo chiếc nhấn để còn nhận ra anh em đồng môn, để cùng hãnh diện rằng bản thân các ông đã cống hiến tuổi trẻ trong cuộc chiến Vệ Quốc. Ông và các niên trưởng của mình thấu hiểu niềm vinh dự là sĩ quan đa hiệu của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam luôn ngự trị tâm khảm.



*Toàn cảnh Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam*

\*\*\*